

Số: 187/2025/QĐST-KDTM

Thành phố Thủ Đức, ngày 10 tháng 6 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 211 và khoản 1 Điều 212 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 393/2024/TLST-KDTM ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH T;

Trụ sở: A T, Phường E, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Cáp Thu V, sinh năm 2002 (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 01/4/2025)

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần T1;

Trụ sở: 1310 K, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1984 (Theo Giấy ủy quyền số 01/UQ-TA ngày 06/3/2025 của Công ty cổ phần T1)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH H2;

Địa chỉ: Tòa nhà M, số B đường Đ, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH H2: Bà Vũ Hoàng Minh K, sinh năm 1998; bà Nguyễn Yến V1, sinh năm 2001 (Theo Giấy ủy quyền ngày 29/4/2025 của Công ty L và Giấy ủy quyền ngày 24/4/2025 của Công ty TNHH H2).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công ty cổ phần T1 đồng ý trả tổng số tiền bao gồm nợ gốc và phạt vi phạm là 2.800.000.000 đồng (*Hai tỷ tám trăm triệu đồng*) cho Công ty TNHH T theo phương án sau:

- Vào ngày 13/6/2025 Công ty cổ phần T1 trả số tiền 1.400.000.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm triệu đồng*).

- Vào ngày 14/7/2025 Công ty cổ phần T1 trả số tiền 1.400.000.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm triệu đồng*).

Công ty TNHH T đồng ý với phương án trả nợ của Công ty cổ phần T1.

Trường hợp Công ty cổ phần T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán ở bất cứ tháng nào như cam kết nêu trên, Công ty TNHH T có quyền yêu cầu thi hành án toàn bộ số tiền nợ còn lại của Công ty cổ phần T1.

Trường hợp Công ty TNHH T chậm yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ biện pháp phong tỏa tài khoản thì Công ty cổ phần T1 được xem là không vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Việc giao nhận tiền do hai bên trực tiếp thực hiện với nhau hoặc tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2025/QĐ-BPKCTT ngày 26/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức để đảm bảo cho việc thi hành án.

2.2. Về án phí:

Án phí hòa giải thành kinh doanh thương mại sơ thẩm là 44.000.000 đồng (*Bốn mươi bốn triệu đồng*). Công ty cổ phần T1 và Công ty TNHH T thỏa thuận mỗi bên chịu 22.000.000 đồng (*Hai mươi hai triệu đồng*).

- Công ty cổ phần T1 phải nộp án phí số tiền 22.000.000 đồng (*Hai mươi hai triệu đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cổ phần T1 chưa nộp án phí.

- Công ty TNHH T phải nộp án phí số tiền 22.000.000 đồng (*Hai mươi hai triệu đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Công ty TNHH T đã nộp là 49.705.266 đồng (*Bốn mươi chín triệu bảy trăm linh năm nghìn hai trăm sáu mươi sáu đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0044448 do Chi cục thi hành thành phố T lập ngày 21 tháng 10 năm 2024. H1 lại cho Công ty TNHH T số tiền 27.705.266 (*Hai mươi bảy triệu bảy trăm linh năm nghìn hai trăm sáu mươi sáu đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Xuân Dũng